Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8439.10.00

Mã HS	8439.10.00
Mô tả hàng hóa	Máy chế biến bột giấy từ vật liệu sợi xenlulô hoặc máy dùng cho quá trình sản xuất hoặc hoàn thiện giấy hoặc bìa / - Máy chế biến bột giấy từ vật liệu sợi xenlulô
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 11:28:31
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84391000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13852
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13852
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13852
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13163
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13104
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13104
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13104
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13104
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13104
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13104
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13158
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13158

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13158
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13158
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13158
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13158
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13159
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13159
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13159
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13159
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13159
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13159
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13162
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13110
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13118
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13118
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13118
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13118
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13118
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13118
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13149
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13149
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13149
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13149
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13149
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13149
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13198
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13198

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13198
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13198
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13198
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13198
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13181
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13181
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13181
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13181
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13181
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13181
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13181
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13181
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13181
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13181
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13181
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13181
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13196
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13196
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13196
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13196
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13196
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13196
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13195
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13195
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13195
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13195

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13195
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13195
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13175
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13175
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13175
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13175
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13175
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13175
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13175
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13183
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13183
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13183
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13183
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13183
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13183
RCEP B	2022	2022	0	B!D13183
RCEP B	2023	2023	0	B!E13183
RCEP B	2024	2024	0	B!F13183
RCEP B	2025	2025	0	B!G13183
RCEP B	2026	2026	0	B!H13183
RCEP B	2027	2027	0	B!I13183
RCEP C	2022	2022	0	C!D13183
RCEP C	2023	2023	0	C!E13183
RCEP C	2024	2024	0	C!F13183
RCEP C	2025	2025	0	C!G13183
RCEP C	2026	2026	0	C!H13183

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13183
RCEP D	2022	2022	0	D!D13182
RCEP D	2023	2023	0	D!E13182
RCEP D	2024	2024	0	D!F13182
RCEP D	2025	2025	0	D!G13182
RCEP D	2026	2026	0	D!H13182
RCEP D	2027	2027	0	D!I13182
RCEP E	2022	2022	0	E!D13186
RCEP E	2023	2023	0	E!E13186
RCEP E	2024	2024	0	E!F13186
RCEP E	2025	2025	0	E!G13186
RCEP E	2026	2026	0	E!H13186
RCEP E	2027	2027	0	E!I13186
RCEP F	2022	2022	0	F!D13183
RCEP F	2023	2023	0	F!E13183
RCEP F	2024	2024	0	F!F13183
RCEP F	2025	2025	0	F!G13183
RCEP F	2026	2026	0	F!H13183
RCEP F	2027	2027	0	F!I13183
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12230
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12230
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12230
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12230

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8439.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8439.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13852), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.